

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ V
TỈNH B

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 73/2022/HNGĐ-ST
Ngày 01-7-2022
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con ”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V, TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Yến Oanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hà Văn Trường
2. Ông Đặng Song Hoàn

- Thư ký phiên tòa: Ông Khuất Cao Hoàng là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh B tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hiền – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh B tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 279/2022/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 04 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trương Thị Minh H, sinh năm 1974;
2. *Bị đơn:* Ông Đỗ Hoàng D, sinh năm 1977;

Cùng địa chỉ: Số D1 Phan Huy Chú, phường H, thành phố V, tỉnh B, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Trương Thị Minh H trình bày:

Bà Trương Thị Minh H và ông Đỗ Hoàng D chung sống vào năm 2014, có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại UBND phường 8, quận TB, thành phố H theo giấy chứng nhận kết hôn số 50, quyền số 01/2014 ngày 05-05-2014.

Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, mặt khác ông D thường xuyên rượu chè về nhà không làm chủ được bản thân có thái độ xúc phạm vợ. Vì con cái bà H cố gắng chịu đựng nhưng càng ngày mâu thuẫn thêm trầm trọng. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt, không thể duy trì cuộc sống chung. Vì vậy bà H yêu cầu được ly hôn với ông Đỗ Hoàng D.

Về con chung: Có 1 con chung cháu Đỗ Hoàng Minh H, sinh ngày 29-8-2014. Theo nguyện vọng của con yêu cầu sống với mẹ nên bà H yêu cầu trực tiếp nuôi con đến tuổi trưởng thành (18 tuổi) và tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai bị đơn ông Đỗ Hoàng D trình bày:

Ông Đỗ Hoàng D và bà Trương Thị Minh H chung sống vào năm 2014, có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại UBND phường 8, quận TB, thành phố H theo giấy chứng nhận kết hôn số 50, quyển số 01/2014 ngày 05-05-2014.

Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, đôi khi ông D có uống rượu về nhà không làm chủ được bản thân có thái độ không tốt với vợ con. Từ ngày 31-12-2021 bà H bỏ đi sống nơi khác nên vợ chồng sống ly thân. Nay ông D cũng đồng ý ly hôn với bà H.

Về con chung: Có 1 con chung là cháu Đỗ Hoàng Minh H, sinh ngày 29-8-2014, cháu H thay đổi nguyện vọng muốn được sống chung với cha nên ông D không đồng ý giao con cho bà H nuôi, vì từ ngày ly thân cháu H sống với cha. Ông D yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V phát biểu quan điểm:

Về trình tự thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã được Tòa án triệu tập, tổng đạt hợp lệ nhưng nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự là đúng theo quy định.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc nuôi con. Về án phí nguyên đơn phải nộp toàn bộ theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục, thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Theo nội dung đơn khởi kiện có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của

Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có cư trú tại thành phố V nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố V theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án triệu tập hợp lệ các đương sự tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án vẫn tiến hành xét xử trong trường hợp vắng mặt các đương sự theo điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông D tự nguyện chung sống từ năm 2014, có đăng ký kết hôn được UBND phường 8, quận TB, thành phố H cấp giấy chứng nhận kết hôn số 50, quyển số 01/2014 ngày 05-05-2014. Quá trình chung sống giữa hai ông bà không mang lại hạnh phúc thực sự từ năm 2019 do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Bà H cho rằng ông D thường xuyên rượu chè, ông D thừa nhận có uống rượu về nhà không làm chủ được bản thân có thái độ không tốt với vợ con. Do vậy mà từ ngày 31-12-2021 bà H bỏ đi sống nơi khác nên vợ chồng sống ly thân, ông H xét thấy vợ chồng không thể hàn gắn nên đồng ý ly hôn. Điều này cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng bà H, ông D thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, đời sống chung không thể kéo dài, không có sự thương yêu, quý trọng, chăm sóc lẫn nhau để cùng xây dựng gia đình hạnh phúc. Vì vậy bà H yêu cầu ly hôn là có cơ sở phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Có 1 con chung là cháu Đỗ Hoàng Minh H, sinh ngày 29-8-2014, tại bản khai ngày 16-5-2022 cháu Đỗ Hoàng Minh H yêu cầu sống với mẹ nên bà H yêu cầu trực tiếp nuôi con đến tuổi trưởng thành (18 tuổi) và tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên tại bản khai ngày 30-6-2022 cháu H xin thay đổi nguyện vọng muốn được sống chung với cha, do đó ông D không đồng ý giao con cho bà H nuôi vì từ ngày ly thân ông D là người trực tiếp nuôi con. Ông D yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy nguyện vọng cháu H yêu cầu sống với cha nên bà H đồng ý giao con cho ông D nuôi, bà H không phải cấp dưỡng nuôi con là là tự nguyện và phù hợp pháp luật nên công nhận.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà H, ông D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng được trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp, ông D không phải chịu án phí.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V, tỉnh B là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.
- Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình.
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của bà Trương Thị Minh H đối với ông Đỗ Hoàng D về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị Minh H được ly hôn với ông Đỗ Hoàng D.

2. Về con chung: Có 1 con chung là cháu Đỗ Hoàng Minh H, sinh ngày 29-8-2014, theo nguyện vọng của con. Ông Đỗ Hoàng D được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đỗ Hoàng Minh H đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ghi nhận sự tự nguyện của ông Đỗ Hoàng D về việc không yêu cầu bà Trương Thị Minh H cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, bà Trương Thị Minh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc thăm con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Vì lợi ích của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trương Thị Minh H và ông Đỗ Hoàng D không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Bà Trương Thị Minh H phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002077 ngày 8 tháng 04 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố V, tỉnh B. Như vậy, bà Trương Thị Minh H đã nộp xong án phí. Ông Đỗ Hoàng D không phải chịu án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

6. Về quyền yêu cầu thi hành: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh B;
- VKSND TP. V;
- Chi cục THA Dân sự TP V;
- UBND phường 8, quận TB, TP H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Yến Oanh

